

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

ThS. TRẦN QUANG SINH*

Abstract: Joint training management at universities consists of building plan, organizing admission, designing curriculum; managing the teaching and learning activities; collaborating to assess learning results of students; managing equipment and facilities; allocating funds for training. The surveyed results in this article show that awareness of managers and teachers on management of joint training is good but performance is limited by many causes.

Keywords: Content management; financial allocation for training.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là đột phá chiến lược, nhân tố quyết định đến sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thì không còn cách nào khác là phải đổi mới toàn diện và phát triển nhanh GD-ĐT. Cơ sở đào tạo (ĐT) ở các trường đại học (ĐH), cao đẳng không thể đáp ứng hết được nhu cầu học tập nâng cao trình độ của số người học ngày càng gia tăng trong xã hội. Các trung tâm giáo dục thuộc các cơ sở giáo dục (CSGD) ĐH trở thành địa chỉ liên kết đào tạo (LKĐT) và trở thành cơ sở để triển khai phương thức ĐT không chính quy bậc ĐH và sau ĐH. Để hoạt động LKĐT đạt được kết quả cao, chúng ta phải luôn quan tâm đến việc quản lý (QL) hoạt động LKĐT vì thông qua QL mà việc thực hiện các chủ trương chính sách LKĐT, nâng cao hiệu quả đầu tư cho ĐT, nâng cao chất lượng GD-ĐT... mới được triển khai, thực hiện có hiệu quả. QL hoạt động LKĐT là khâu then chốt đảm bảo sự thắng lợi của mọi hoạt động ĐT.

1. Nội dung QL hoạt động LKĐT

QL hoạt động LKĐT tại một số trường ĐH chính là QL hoạt động LKĐT ở các cơ sở liên kết. QL hoạt động LKĐT nhằm đảm bảo chất lượng ĐT gồm:

1.1. QL đội ngũ sư phạm: QL, suy đến cùng là QL con người để phục vụ cho con người, là sự phát hiện, nuôi dưỡng, khai thác tiềm năng con người để phục vụ con người. Quan tâm phát huy nhân tố con người là đáp ứng những nhu cầu chính đáng của con người, tạo điều kiện cho con người được cống hiến nhiều hơn để hưởng thụ nhiều hơn.

1.2. QL hoạt động giảng dạy của giảng viên (GV) và hoạt động học tập của học viên (HV). Thực chất là QL việc thực hiện các nhiệm vụ của đội

ngũ GV và HV. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch, chương trình giảng dạy của GV theo lịch dạy của cơ sở LKĐT. QL việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, rèn luyện của học sinh trong quá trình ĐT. Mặc dù đầu vào của HV đã được tuyển chọn theo những tiêu chuẩn nhất định như nhau, nhưng các HV cùng lớp vẫn có nhiều khác biệt về khía cạnh này hay khía cạnh khác. Nếu nắm được hoàn cảnh, mục đích động cơ học tập của mỗi HV, biết cách phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục các điểm yếu để các HV phấn đấu vươn lên đạt kết quả cao trong học tập.

1.3. QL hoạt động kiểm tra, đánh giá quá trình ĐT. Đây là một khâu cơ bản và là nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường. Mục đích của kiểm tra, đánh giá là: Xác định kết quả học tập sau khi đã học xong một phần, một chương hay một module học tập, một khóa học để làm cơ sở đánh giá kết quả học tập của HV; Xác định xem hiệu quả ĐT có đạt được mục tiêu ĐT đã đề ra, có đáp ứng nhu cầu của xã hội, từ đó đề xuất hoặc kiến nghị với cơ sở LKĐT điều chỉnh kế hoạch ĐT ngay hay xây dựng kế hoạch ĐT cho khóa học ĐT kế tiếp; tổ chức, giám sát công việc kiểm tra, thi hết môn học; kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HV; kiểm tra hồ sơ, sổ sách của GV chủ nhiệm lớp.

Nội dung kiểm tra phải có sức thuyết phục, hình thức kiểm tra gọn nhẹ, không gây tâm lý nặng nề cho đối tượng được kiểm tra, cần huy động lực lượng hợp lý và dành thời gian cần thiết cho công tác này.

1.4. QL cơ sở vật chất và nguồn kinh phí chi tiêu cho hoạt động LKĐT. Cơ sở vật chất là điều kiện tiên quyết cho nhà trường hình thành và đi vào hoạt động ĐT, là điều kiện không thể thiếu của nhà

* Trường Trung cấp Đa ngành Hà Nội

trường trong việc xây dựng kế hoạch, mục tiêu ĐT, triển khai quá trình ĐT và nâng cao chất lượng. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học của nhà trường là hệ thống phương tiện vật chất kĩ thuật, máy móc thiết bị... được sử dụng để phục vụ cho việc dạy và học ở nhà trường. QL cơ sở vật chất phải đảm bảo được các yêu cầu liên quan mật thiết với nhau, đó là: Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học; Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất trong việc dạy và học; Tổ chức QL, bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất.

Nguồn kinh phí đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tổ chức và duy trì các hoạt động trong nhà trường. Việc QL nguồn kinh phí ĐT phải thực hiện đúng các quy định của nhà nước về thu chi tài chính và các chế độ quy định hiện hành. Công tác QL tài chính và nguồn kinh phí hoạt động phải có sự tính toán cân đối các khoản thu chi hợp lí để đảm bảo cho quá trình hoạt động của nhà trường diễn ra suôn sẻ, đảm bảo phục vụ tốt quá trình ĐT và sự phát triển của nhà trường.

2. Thực trạng QL LKĐT tại một số trường ĐH trên địa bàn TP. Hà Nội

Để nghiên cứu thực trạng QL LKĐT, năm học 2014-2015, chúng tôi đã tiến hành điều tra tại 3 trường ĐH trên địa bàn TP. Hà Nội gồm: Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐH Giao thông vận tải, Trường ĐH Thương mại với số mẫu là 137 người cán bộ QL hoạt động LKĐT, cán bộ tham gia vào hoạt động liên kết tại các cơ sở LKĐT và một số GV đang trực tiếp giảng dạy các lớp LKĐT.

2.1. Thực trạng QL LKĐT của một số trường ĐH. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng QL hoạt động liên kết tại các CSGD ĐH về các nội dung QL trên. Trước tiên chúng tôi điều tra về nhận thức sau đó là sự thực hiện của cán bộ QL, GV tham gia hoạt động liên kết tại 3 trường ĐH và một số cơ sở liên kết với 3 trường trên.

2.1.1. Thực trạng nhận thức tầm quan trọng của LKĐT. Thực trạng được điều tra về nhận thức của cán bộ QL, GV trong diện điều tra về vị trí, tầm quan trọng của LKĐT giữa Nhà trường và cơ sở liên kết (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Nhận thức của cán bộ QL, GV về vai trò của LKĐT

TT	Vai trò của hoạt động LKĐT	SL	%
1	Cần thiết	134	98
2	Ít cần thiết	3	2
3	Không cần thiết	0	0

Nhận xét: Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ QL và GV đã đánh giá *rất cao vị trí tầm quan trọng* của hoạt

động LKĐT trong nhà trường thể hiện có 98,0% ý kiến đánh giá ở mức độ cần thiết; chỉ có 3/137 ý kiến chiếm 2,0% đánh giá ít cần thiết; không có ý kiến nào cho rằng không cần thiết. Vai trò của hoạt động LKĐT, biểu hiện của vai trò, tầm quan trọng của LKĐT được các khách thể khảo sát đánh giá như sau (xem *bảng 2*).

Bảng 2. Nhận thức về vai trò của LKĐT

TT	Vai trò của hoạt động LKĐT	SL	%
1	Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ QL, GV, nhân viên toàn ngành (từ trung cấp, cao đẳng lên ĐH và sau ĐH)	121	88%
2	Mở rộng cơ hội học tập cho mọi người	115	84%
3	Phù hợp với yêu cầu thực tế về việc chuẩn hoá cho cán bộ QL và GV	128	93%
4	Đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời (ĐT và ĐT lại)	109	80%
5	Huy động tiềm năng của các trường nhằm ĐT nguồn nhân lực tại chỗ cho địa phương	101	74%
6	Thực hiện mục tiêu công bằng và xã hội hoá giáo dục	88	64%

Nhận xét: Nhận thức của cán bộ QL và GV về vai trò của hoạt động LKĐT cao, 100% các đánh giá thể hiện mức độ nhận thức đạt từ 64%-93%, không có ý kiến nào thể hiện có mức độ nhận thức dưới 50,0%; - Biểu hiện vai trò của LKĐT thể hiện rất phong phú và mức độ nhận thức về các biểu hiện vai trò của LKĐT không như nhau mà được các khách thể khảo sát đánh giá khác nhau; - Nhận thức về sự cần thiết, tầm quan trọng của hoạt động liên kết trong nhà trường đối với việc nâng cao trình độ, mở rộng cơ hội học tập cho mọi người, phát huy tiềm năng của cơ sở liên kết... của hầu hết cán bộ QL, GV đều cho rằng rất cần thiết (98%).

2.1.2. Thực trạng QL LKĐT tại một số trường ĐH

2.1.2.1. Mức độ phù hợp của nội dung QL hoạt động LKĐT tại các CSGD ĐH (xem *bảng 3*).

Bảng 3. Thực trạng đánh giá sự phù hợp trong QL liên kết ĐT

TT	Nội dung QL	Phù hợp		Ít phù hợp		Chưa phù hợp	Tổng	TB	Thứ bậc	
		SL	%	SL	%					
1	Xây dựng kế hoạch ĐT, tổ chức tuyển sinh	72	53,3	37	26,7	27	20	3	2,3	1
2	Phối hợp với cơ sở ĐT để QL kế hoạch ĐT, nội dung chương trình	58	42,2	49	35,6	30	22,2	3	2,2	2
3	QL hoạt động dạy của GV	55	40	46	33,3	37	26,7	3	2,1	4
4	QL hoạt động học của HV	36	26,7	40	28,9	61	44,4	2	1,8	7
5	Phối kết hợp với cơ sở ĐT để QL kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV	66	48,9	37	26,7	33	24,4	3	2,2	2
6	QL trang thiết bị, cơ sở vật chất	48	35,6	40	28,9	49	35,6	3	2	5
7	QL trật tự an ninh, y tế, môi trường	39	28,9	46	33,3	52	37,8	3	1,9	6
Tổng								2,1		

Nhận thức của cán bộ QL và GV về mức độ phù hợp trong QL quá trình LKĐT thời gian qua ở mức độ trung bình, thể hiện bằng hai con số chứng minh: một là điểm trung bình chung của cả 7 nội dung QL $\bar{X} = 2,1$ (min $\bar{X} = 1$; max $\bar{X} = 3$); hai là có 7/7 nội dung QL chiếm 100% có $\bar{X} < 2,5$ ($1,8 < \bar{X} < 2,3$).

Kết quả QL LKĐT tại các CSGD ĐH không đồng đều được xếp theo thứ bậc nhất định: - Nội dung “Xây dựng kế hoạch ĐT, tổ chức tuyển sinh” được đánh giá phù hợp nhất, với điểm trung bình $\bar{X} = 2,3$ xếp bậc 1/7. Trên thực tế, hoạt động liên kết tại các CSGD ĐH hầu hết có uy tín với các địa phương trong cả nước. Mỗi năm, có hàng trăm HV tốt nghiệp trở về các cơ quan công tác để tiếp tục công tác với trình độ chuyên môn được nâng cao; - Nội dung “Phối hợp với cơ sở ĐT để QL kế hoạch ĐT, nội dung chương trình” và “Phối kết hợp với cơ sở ĐT để QL kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV” xếp ở vị trí 2/7 với $\bar{X} = 2,2$; - Nội dung “QL hoạt động dạy của GV” được đánh giá ở mức độ quan trọng thấp hơn, với $\bar{X} = 2,1$ xếp bậc 4/7; - Nội dung “QL hoạt động học của HV” bị đánh giá là ít phù hợp nhất xếp ở vị trí 7/7 với điểm trung bình $\bar{X} = 1,8$. Đây không phải là nội dung dễ thực hiện vì HV của Trung tâm có đặc thù riêng về sự phong phú trong lĩnh vực công tác, thời gian, địa điểm di chuyển. Đặc thù công việc, độ tuổi là yếu tố góp phần không nhỏ trong việc chuyên cần của HV. Điều đó gây không ít khó khăn cho công tác QL HV.

2.1.2.2. Thực trạng mức độ thực hiện các nội dung QL LKĐT: - Mức độ thực hiện các nội dung QL hoạt động LKĐT của CSGD ĐH được thực hiện ở mức độ trung bình thể hiện điểm trung bình chung của cả 7 nội dung $\bar{X} = 2,1$ và 7/7 nội dung có điểm trung bình $1,9 < \bar{X} < 2,5$; - Nội dung QL hoạt động LKĐT có mức độ thực hiện không đồng đều: “QL trang thiết bị, cơ sở vật chất” được thực hiện tốt nhất với $\bar{X} = 2,5$ xếp bậc 1/7. “Xây dựng kế hoạch ĐT, tổ chức tuyển sinh” và “QL hoạt động dạy của GV” ở vị trí 2/7 với $\bar{X} = 2,3$. Nội dung “Tổ chức hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự, y tế, vệ sinh, môi trường” và “Phối kết hợp với cơ sở ĐT để QL kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV” được đánh giá là thực hiện ở mức độ thấp nhất với $\bar{X} = 1,9$. Với đặc thù nhiệm vụ của trường là tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề ngắn ngày nên thường các HV không biết nhau. Thêm vào đó, giờ học không quy định nên trong các cơ sở LKĐT thường có người ra vào liên tục, điều đó là cơ hội thuận lợi cho kẻ gian trà trộn vào trường trộm cắp tài sản và xe máy. Đó là lí do cho việc thực hiện nội

dung “Tổ chức hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự, y tế, vệ sinh, môi trường” chưa được thực hiện tốt.

2.2. Các điều kiện đảm bảo cho việc QL hoạt động LKĐT của CSGD ĐH

Để đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo cho việc QL hoạt động LKĐT của Trung tâm, chúng tôi tiến hành điều tra 137 cán bộ QL và GV tham gia hoạt động LKĐT của các trường qua câu hỏi đồng với 7 yếu tố chủ quan và khách quan được đánh giá thông qua 3 mức độ: Ảnh hưởng nhiều; Ít ảnh hưởng; Không ảnh hưởng (xem bảng 4).

Bảng 4. Các điều kiện chủ quan ảnh hưởng đến QL hoạt động LKĐT của CSGD ĐH

TT	Điều kiện chủ quan	Ảnh hưởng nhiều		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng		Tổng	TB	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%			
1	BGH nhà trường chỉ đạo TTGD TX	110	80	21	15,6	6	4,4	124	2,8	1
2	TTGD TX sát sao trong công tác tổ chức tuyển sinh và QL	104	75,6	24	17,8	9	6,7	121	2,7	2
3	Sự phối hợp chặt chẽ giữa TTGD TX và đội ngũ GVCN trong công tác QL HV	88	64,4	24	17,8	27	20	112	2,5	4
4	Đội ngũ CB, GV, nhân viên nhà trường nhiệt tình, năng nổ.	76	55,6	43	31,1	18	13,3	109	2,4	5
5	Sự phối hợp chặt chẽ giữa các Khoa, Phòng trong công tác QL	58	42,2	61	44,4	18	13,3	103	2,3	7
6	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học (phòng học, mạng, máy tính, máy chiếu, màn hình...) đáp ứng cho phương pháp dạy học mới	70	51,1	30	22,2	37	26,7	101	2,2	6
7	Nhu cầu học tập đạt chuẩn và nâng chuẩn của đội ngũ CB, GV, NV các địa phương ngày càng tăng	85	62,2	29	21,1	9	6,7	115	2,6	3
Tổng		61,5		24,2		14,3		2,5		

Nhận xét: Các điều kiện chủ quan ảnh hưởng đến QL hoạt động LKĐT của trung tâm giáo dục thường xuyên được khảo sát gồm 7 yếu tố. Mức độ ảnh hưởng của các điều kiện khách quan này được đánh giá là nhiều thể hiện: Mức độ ảnh hưởng được các khách thể khảo sát đánh giá là 85,7% ý kiến, trong đó ảnh hưởng nhiều chiếm 61,5%; mức độ không ảnh hưởng chỉ có 14,3% ý kiến.

Qua khảo sát thực trạng QL LKĐT tại 3 trường ĐH trên địa bàn TP. Hà Nội với 137 ý kiến của cán bộ QL và GV, chúng tôi rút ra các kết luận về thực trạng QL LKĐT của một số CSGD ĐH như sau: - Cán bộ QL và GV của trường đã nhận thức đầy đủ và cao tầm quan trọng và vai trò hoạt động LKĐT trong nhà trường; - Các trường đã thực hiện QL LKĐT,

(Xem tiếp trang 84)

nguyên tắc có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp họ biến quá trình GDĐĐNN thành quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của bản thân. Việc tự giáo dục, tự rèn luyện là sự thể hiện một trình độ cao về đạo đức của SV sư phạm. Thực tế cho thấy những SV sư phạm có ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện thường có kết quả học tập tốt, có sự trưởng thành nhanh chóng hơn. Bên cạnh đó, GV chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể cần tổ chức các hoạt động để hướng SV hoạt động sao cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, tránh tình trạng “khoán trắng”, “thả nổi” để SV tự do hoạt động theo sở thích, hứng thú riêng của các cá nhân, vì như vậy sẽ mất đi vai trò của giáo dục. Tổ chức tự quản của tập thể SV, xây dựng tập thể SV như lớp học, trường học, tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp SV thành môi trường giáo dục là một yêu cầu, một nguyên tắc giáo dục của nhà trường, có như vậy mới rèn luyện được đạo đức cho các em. Cần xây dựng tập thể đáp ứng 5 đặc điểm sau: - Có mục tiêu hoạt động thống nhất; - Có chương trình kế hoạch hoạt động cụ thể; - Có đội ngũ tự quản đủ năng lực; - Có kỉ luật tập thể chặt chẽ; - Có dư luận tập thể lành mạnh.

Để GDĐĐNN cho SV các trường CĐSP có hiệu quả, cần có sự phối kết hợp giữa các tổ chức, nhiều lực lượng. Nâng cao nhận thức cho SV về vị trí, vai trò của ĐĐNN, tăng cường GDĐĐNN cho SV thông qua dạy học lồng ghép, tích hợp các môn học cơ bản; tích cực bồi dưỡng tình cảm, niềm tin ĐĐNN cho SV thông qua RLNVSP thường xuyên; xây dựng nhà trường thành môi trường giáo dục lành mạnh; phát huy vai trò chủ thể của SV và năng lực tự quản của tập thể chính là những biện pháp cần thiết để nâng cao việc GDĐĐNN cho SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Văn Đồng (1974). *Công tác giáo dục và người thầy giáo xã hội chủ nghĩa*. NXB Sự thật.
- [2] PH.N. Gônôbôlin (1976). *Những phẩm chất tâm lí của người giáo viên*. NXB Giáo dục.
- [3] Phạm Minh Hạc (1995). *Tâm lí học đại cương*. NXB Giáo dục.
- [4] Lê Văn Hồng - Lê Ngọc Lan - Nguyễn Văn Thành (2001). *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Sinh Huy - Nguyễn Hữu Dũng (1996). *Giáo dục học*. NXB Giáo dục.

Giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức...

(Tiếp theo trang 81)

Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho CB, GV, CNV là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của nhà trường. Vì vậy, công tác này cần phải được tiến hành thường xuyên, nhằm góp phần nâng cao nhận thức, cũng như xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ để nhà trường thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục công tác chi bộ, chính quyền, công đoàn, đoàn thanh niên cần phối hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp trên. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT. *Quy định về đạo đức nhà giáo* (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [2] Bộ Chính trị. *Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/1/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI): Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*.

Thực trạng quản lí liên kết đào tạo...

(Tiếp theo trang 90)

cụ thể: + Xây dựng kế hoạch ĐT, tổ chức tuyển sinh; + Phối hợp với cơ sở liên kết để QL kế hoạch ĐT, nội dung chương trình; + QL hoạt động dạy của GV; + QL hoạt động học của HV; + Phối kết hợp với cơ sở liên kết để QL kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV; + QL trang thiết bị, cơ sở vật chất với nhiều biện pháp QL cụ thể. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2013). *Hỏi - đáp về một số nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Chỉ thị 18/CT-TTg ngày 30/5/2012 của Thủ tướng (2012). *Thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam thời kì 2011-2020 và đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội giai đoạn 2011-2015*.
- [3] Dự án Giáo dục vì sự phát triển - VOV (2012). *Hiệu trưởng với vấn đề đổi mới đánh giá học sinh*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Tiến Hùng (2014). *Quản lí chất lượng trong giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Quý Lâm - Kim Phượng (2015). *Cẩm nang công tác quản lí dành cho hiệu trưởng trường học*. NXB Lao động.